

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 31/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 13/7/2017

V/v: Tranh chấp hôn nhân và
gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH PHÚ THỌ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Tú

2. Ông Đinh Quốc Phong

- *Thư ký phiên toà:* Bà Phan Thị Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện C.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện C, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà -Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2017/TLST-HNGĐ ngày 19/4/2017 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2017, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Hoàng Thị Lệ X- sinh năm 1964; trú tại: Khu 04- xã S - huyện C-tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2. ***Bị đơn:*** Ông Phạm Tiến C- sinh năm 1960; cư trú tại: Khu 04- xã S-huyện C-tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị Phạm Thị P- sinh năm 1986; nơi ĐKKHKT: Khu 15- xã H- huyện T- tỉnh Phú Thọ; tạm trú tại: Khu 04- xã S -huyện C-tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt, nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt.

- Anh Phạm Thế P- sinh năm 1989; cư trú tại: Khu 04- xã S -huyện C -tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Lệ X- sinh năm 1964; trú tại: Khu 04- xã S - huyện C - tỉnh Phú Thọ (Theo Giấy ủy quyền ngày 11/7/2017). Có mặt.

- Bà Hoàng Thị Kim T- sinh năm 1969, ông Hoàng Văn H- sinh năm 1968; cư trú tại: Khu 04- xã S-huyện C -tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt, nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt.

- Anh Ngô Việt C1- sinh năm 1970, chị Hoàng Thị Hải L- sinh năm 1975; cư trú tại: Khu 04- xã S - huyện C - tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt, nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 11/4/2017, bản tự khai ngày 19/4/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Hoàng Thị Lệ X trình bày: Bà X và ông Phạm Tiến C kết hôn với nhau ngày 26/11/1984 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S - huyện C - tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng nhà với bố mẹ đẻ ông C tại khu 04- xã Sơn Nga được khoảng 9 năm thì làm nhà ra ở riêng. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông C thường xuyên uống rượu say và đánh chửi mẹ con bà X. Từ 01/4/2017, bà X phải ở nhờ nơi khác, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà X yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Phạm Tiến C.

Tại bản tự khai ngày 21/4/2017 và tại phiên tòa, bị đơn là ông Phạm Tiến C trình bày: Bà Hoàng Thị Lệ X trình bày về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời điểm phát sinh mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân như nêu trên là đúng. Theo ông C, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng năm 2010. Nguyên nhân do ông C ốm yếu, không làm ra tiền, nên bà X gây sự và đối xử với ông C không đúng mực. Nay bà X xin ly hôn, ông C không đồng ý, vì vợ chồng đều đã có tuổi, nhưng nếu bà X cương quyết ly hôn thì ông C cũng đồng ý.

Về con chung: Bà Hoàng Thị Lệ X, ông Phạm Tiến C trình bày có 02 con chung là Phạm Thị P- sinh năm 1986, Phạm Thế P- sinh năm 1989. Hai con chung đều đã trưởng thành và kết hôn. Nếu ly hôn, bà X, ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất xác định gia đình bà Hoàng Thị Lệ X, ông Phạm Tiến C có khối tài sản chung gồm:

- 01 nhà xây cấp 4, móng và tường xây gạch chỉ, mái lợp tôn, nền láng xi măng, diện tích 91,02m², trị giá 91.020.000đồng.

- 01 bếp xây gạch chỉ, mái lợp proximăng, nền láng xi măng, diện tích 27m², trị giá 13.500.000đồng.

- 01 nhà tắm xây gạch chỉ, mái đổ bê tông diện tích 4,42m² trị giá 4.862.000đồng.

- Hệ thống chuồng chăn nuôi sườn gỗ, mái lợp lá, tường ngăn xây gạch đất sét, nền lát gạch và láng vữa xi măng, diện tích 21,58m², trị giá 4.700.000đồng.
- Sân bê tông và cổng bê tông trị giá 800.000đồng.
- Sân bê tông trước nhà cấp 4 trị giá 800.000đồng.
- 01 ti vi màu không rõ nhãn hiệu đã cũ, trị giá 300.000đồng.
- 01 tủ lạnh nhãn hiệu Panasonic 160L, trị giá 1.100.000đồng.
- 01 tec đựng nước nhãn hiệu Sơn Hà 1000L trị giá 2.000.000đồng.
- 01 máy bơm nước không rõ nhãn hiệu trị giá 400.000đồng.
- 01 bộ salon nan trị giá 3.000.000đồng.
- 03 giường hộp cũ trị giá 1.500.000đồng.
- 01 giường hộp mới trị giá 1.500.000đồng.
- 1.500 cây keo 02 năm tuổi trồng trên đất vườn.
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave do anh Phạm Thế P mua và đang sử dụng.
- Quyền sử dụng 1.800m² đất thổ cư (400m² đất ở, 1.400m² đất vườn) trị giá 205.000.000đồng (Thửa số 181, tờ bản đồ số 02, đã được cấp Giấy CNQSD đất số Q 427370 ngày 19/12/2000 đứng tên chủ hộ sử dụng là Phạm Văn C).
- Quyền sử dụng đất nông nghiệp, gồm các thửa sau:
 - + Thửa số 41, tờ bản đồ số 03, diện tích 434m² tại sù đồng T- khu T- xã S- huyện C - tỉnh Phú Thọ.
 - + Thửa số 284, tờ bản đồ số 07, diện tích 395m² tại sù G- khu T- xã S- huyện C- tỉnh Phú Thọ.
 - + Thửa số 208, tờ bản đồ số 02, diện tích 70m² tại sù R- khu C- xã S- huyện C - tỉnh Phú Thọ.
 - + Thửa số 168, tờ bản đồ số 11, diện tích 209m² tại sù đồng K - khu C- xã S - huyện C - tỉnh Phú Thọ.
 - + Thửa số 423⁻⁸, tờ bản đồ số 09, diện tích 151m² tại sù đồng V- khu C- xã S- huyện C- tỉnh Phú Thọ.
 - + Thửa số 214⁻⁴, tờ bản đồ số 09, diện tích 53m² tại sù đồng A - khu C - xã S- huyện C - tỉnh Phú Thọ.
 - + Thửa số 188, tờ bản đồ số 02, diện tích 680m² tại sù đồng C- khu C- xã S - huyện C - tỉnh Phú Thọ (Đã cải tạo thành ao thả cá).
- Nếu ly hôn, các đương sự thống nhất thoả thuận như sau:
 - Đối với tài sản là động sản:

+ Bà Hoàng Thị Lệ X sở hữu: 01 tivi màu trị giá 300.000đ; 01 giường hộp cũ trị giá 500.000đ; 01 téc đựng nước 1000L trị giá 2.000.000đ; 01 máy bơm nước trị giá 400.000đ; 01 bộ salon nan trị giá 3.000.000đ.

+ Ông Phạm Tiến C sở hữu 01 giường hộp cũ trị giá 500.000đồng, 01 tủ lạnh 1000L trị giá 1.100.000đồng.

+Chị Phạm Thị P sở hữu 01 giường hộp cũ trị giá 500.000đồng.

+Anh Phạm Thế P sở hữu 01 giường hộp mới trị giá 1.500.000đồng.

Bà Hoàng Thị Lệ X có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho ông C, chị P, anh P.

- Đối với tài sản là quyền sử dụng đất ở, đất vườn và tài sản gắn liền với đất:

Các đương sự thống nhất thỏa thuận chia đất ở, đất vườn làm 04 phần bằng nhau cho bà X, ông C, chị P, anh P, như sơ đồ dự chia đất ngày 11/5/2017. Tài sản có trên đất thuộc phần đất nào thì người đó sở hữu và có nghĩa vụ thanh toán lại cho người khác nếu có chênh lệch. Bà X và ông C đều đề nghị được sử dụng phần đất có nhà xây cấp 4.

- Đối với tài sản là quyền sử dụng đất nông nghiệp:

Các đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

Ông Phạm Tiến C sử dụng thửa số 188, tờ bản đồ số 02, diện tích 680m² tại sù đồng C- khu C- xã S - huyện C - tỉnh Phú Thọ (Đã cải tạo thành ao thả cá) trị giá 23.120.000đ. Bà Hoàng Thị Lệ X sử dụng 6 thửa đất nông nghiệp còn lại có tổng trị giá 44.608.000đồng. Bà X không phải thanh toán chênh lệch trị giá đất nông nghiệp cho ông C.

- Đối với các tài sản khác, gồm: 1.500 cây keo 02 năm tuổi trồng trên đất vườn, 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave do anh Phạm Thế P mua: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Hoàng Thị Lệ X, ông Phạm Tiến C thống nhất xác định vợ chồng có vay nợ các khoản sau:

+ Năm 2014, bà X vay của Phòng giao dịch ngân hàng CSXH huyện C - tỉnh Phú Thọ 26.000.000đồng để chi xây dựng nhà, bếp, công trình phụ của gia đình. Đến ngày 16/5/2017, bà X đã trả hết tiền vay gốc, lãi cho Phòng giao dịch ngân hàng CSXH huyện C.

+ Bà Hoàng Thị Kim T- sinh năm 1969, ông Hoàng Văn H- sinh năm 1968; cư trú tại: Khu 04- xã S - huyện C - tỉnh Phú Thọ số tiền 20.000.000đồng (Vay ngày 27/12/2016. Lãi suất 1,5%/tháng. Vay không thời hạn).

+ Ông Ngô Việt C - sinh năm 1970, bà Hoàng Thị Hải L - sinh năm 1975; cư trú tại: Khu 04- xã S-huyện C-tỉnh Phú Thọ số tiền 20.000.000đồng (Vay ngày 24/02/2017 âm lịch. Lãi suất 1%/tháng. Vay không thời hạn).

Nếu ly hôn, bà X yêu cầu ông C thanh toán chênh lệch số tiền vay mà bà X đã trả cho Phòng giao dịch ngân hàng CSXH huyện C và chia đôi trách nhiệm trả các khoản nợ còn lại theo quy định của pháp luật. Ông C đề nghị bán tài sản chung để trả nợ.

- Tại bản tự khai ngày 29/6/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị P trình bày: Chị P là con chung của bà Hoàng Thị Lê X, ông Phạm Tiến C và chị có nhiều công sức trong việc tạo dựng lên khối tài sản chung của gia đình bà X, ông C. Nay bà X, ông C ly hôn, chị P yêu cầu được chia quyền sử dụng một phần tư đất ở, đất vườn đã được cấp Giấy CNQSD đất số Q 427370 ngày 19/12/2000 đứng tên chủ hộ sử dụng là Phạm Văn C và được sở hữu phần tài sản gắn liền với đất. Chị P nhất trí trả nợ chung của gia đình ông C, bà X theo quy định của pháp luật và không yêu cầu được chia quyền sử dụng đất nông nghiệp.

- Tại bản tự khai ngày 27/6/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Thế P trình bày: Anh P là con chung của bà Hoàng Thị Lê X, ông Phạm Tiến C. Anh P đã nghỉ học từ năm lớp 9 để đi làm thuê lấy tiền giúp mẹ để bà X tạo dựng phát triển kinh tế gia đình, vì ông C thường xuyên uống rượu say, không quan tâm tới gia đình. Anh P xác định có nhiều công sức trong việc tạo dựng lên khối tài sản chung của gia đình bà X, ông C. Nay bà X, ông C ly hôn, anh P yêu cầu được chia quyền sử dụng một phần tư đất ở, đất vườn đã được cấp Giấy CNQSD đất số Q 427370 ngày 19/12/2000 đứng tên chủ hộ sử dụng là Phạm Văn C và được sở hữu phần tài sản gắn liền với đất. Anh P nhất trí trả nợ chung của gia đình ông C, bà X theo quy định của pháp luật và không yêu cầu được chia quyền sử dụng đất nông nghiệp.

- Tại bản tự khai ngày 29/6/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị Kim T trình bày: Ngày 27/12/2016, vợ chồng bà cho bà Hoàng Thị Lê X vay không thời hạn số tiền 20.000.000đồng, lãi suất 1,5%/tháng. Hàng tháng bà X đều trả lãi, còn tiền vay gốc chưa trả. Việc vay tiền thì ông Phạm Tiến C cũng biết, vì thỉnh thoảng ông C có hỏi bà T xem bà X đã trả tiền vay gốc chưa. Nay bà X, ông C ly hôn, bà T, ông H yêu cầu bà X phải trả tiền vay gốc là 20.000.000 đồng và lãi theo thỏa thuận.

- Tại bản tự khai ngày 29/6/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Việt C1 trình bày: Ngày 24/02/2017 âm lịch, vợ chồng ông cho bà Hoàng Thị Lê X vay số tiền 20.000.000đồng, lãi suất 1%/tháng. Thời hạn vay từ 01 đến 02 năm. Hàng tháng bà X đều trả lãi, còn tiền vay gốc chưa trả. Việc vay tiền thì ông Phạm Tiến C cũng biết, vì thỉnh thoảng ông C có hỏi ông C1 xem bà X đã trả tiền vay chưa. Nay bà X, ông C ly hôn, ông C1, bà L yêu cầu bà X phải trả tiền vay gốc là 20.000.000đồng và tiền lãi theo thỏa thuận.

Tại phiên tòa, các đương sự thay đổi quan điểm, yêu cầu như sau: Nguyên đơn là bà Hoàng Thị Lệ X không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản vay nợ của Phòng giao dịch ngân hàng CSXH huyện Cẩm Khê, các mối quan hệ khác thì nguyên đơn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu đã trình bày. Bị đơn là ông Phạm Tiến C không đồng ý chia quyền sử dụng đất ở, đất vườn làm 04 phần với lý do con chung của vợ chồng là Phạm Thị P, Phạm Thế P không có công sức trong việc tạo dựng tài sản chung của gia đình và bị đơn không đồng ý các khoản nợ của bà Hoàng Thị Kim T, ông Hoàng Văn H, ông Ngô Việt C1, bà Hoàng Thị Hải L là nợ chung của vợ chồng, vì ông C không biết các khoản vay nợ đó.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 điều 56, Điều 33; Khoản 2 Điều 37; Điều 59; 60; 61; 62 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2, 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, b, e khoản 5 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1-Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Lệ X được ly hôn ông Phạm Tiến C.

2-Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản:

- Giao cho bà Hoàng Thị Lệ X sở hữu, sử dụng các tài sản gồm: 01 tivi màu trị giá 300.000đ; 01 giường hộp cũ trị giá 500.000đ; 01 téc đựng nước 1000L trị giá 2.000.000đ; 01 máy bơm nước trị giá 400.000đ; 01 bộ salon nan trị giá 3.000.000đ; 01 nhà xây cấp 4, móng và tường xây gạch chỉ, mái lợp tôn, nền láng xi măng, diện tích 91,02m², trị giá 91.020.000đ; sân bê tông phía trước nhà (2,63m³ bê tông) trị giá 800.000đ; 450m² đất (100m² đất ở, 350m² đất vườn) theo hình CDGH trong sơ đồ dự chia kèm theo, trị giá 51.250.000đ. Tổng trị giá 149.270.000đ và các thửa đất nông nghiệp gồm: thửa số 41, tờ bản đồ số 03, diện tích 434m² tại sù đồng T - khu T- xã S - huyện C - tỉnh Phú Thọ; thửa số 284, tờ bản đồ số 07, diện tích 395m² tại sù G - khu T - xã S - huyện C - tỉnh Phú Thọ; thửa số 208, tờ bản đồ số 02, diện tích 70m² tại sù R- khu C - xã S - huyện C - tỉnh Phú Thọ; thửa số 168, tờ bản đồ số 11, diện tích 209m² tại sù đồng K - khu C - xã S - huyện C - tỉnh Phú Thọ; thửa số 423⁻⁸, tờ bản đồ số 09, diện tích 151m² tại sù đồng V - khu C - xã S - huyện C - tỉnh Phú Thọ; thửa số 214⁻⁴, tờ bản đồ số 09, diện tích 53m² tại sù đồng A - khu C - xã - huyện C - tỉnh Phú Thọ. Tổng trị giá đất 06 thửa đất nông nghiệp bà X được hưởng 44.608.000đồng.

Bà Hoàng Thị Lệ X có nghĩa vụ trả nợ cho: Bà Hoàng Thị Kim T - sinh năm 1969, ông Hoàng Văn H - sinh năm 1968; cư trú tại: Khu 04- xã S - huyện C -tỉnh Phú Thọ 20.000.000đồng và tiền lãi theo thỏa thuận, ông Ngô Việt C1- sinh năm 1970, bà Hoàng Thị Hải L - sinh năm 1975; cư trú tại: Khu 04- xã S - huyện C - tỉnh Phú Thọ 20.000.000đồng và tiền lãi theo thỏa thuận. Ông Phạm Tiến C, chị Phạm Thị P, anh Phạm Thế P, mỗi người có trách nhiệm thanh toán chênh lệch nghĩa vụ trả nợ cho bà X 10.000.000đ.

- Ông Phạm Tiến C được sở hữu các tài sản gồm: 01 giường hộp cũ trị giá 500.000đ; 01 tủ lạnh nhãn hiệu Panasonic 160L, trị giá 1.100.000đồng; sân bê tông phía cổng + cổng bê tông ($2,51m^3$ bê tông) trị giá 800.000đ và được sử dụng $450m^2$ đất ($100m^2$ đất ở, $350m^2$ đất vườn) trị giá 51.250.000đ (Theo hình DEFG trong sơ đồ dự chia). Tổng trị giá 53.650.000đ và thửa đất nông nghiệp số 188, tờ bản đồ số 02, diện tích $680m^2$ tại sử đồng C - khu C - xã S - huyện C - tỉnh Phú Thọ (Đã cải tạo thành ao thả cá) trị giá 23.120.000đồng.

- Chị Phạm Thị P được sở hữu: 01 giường hộp cũ trị giá 500.000đ; Hệ thống chuồng chăn nuôi sườn gỗ, mái lợp lá, tường ngăn xây gạch đất sét, nền lát gạch và lán vữa xi măng, diện tích $21,58m^2$, trị giá 4.700.000đồng và được sử dụng $450m^2$ đất ($100m^2$ đất ở, $350m^2$ đất vườn) trị giá 51.250.000đ (Theo hình ABIK trong sơ đồ dự chia). Tổng trị giá 56.450.000đ.

- Anh Phạm Thế P được sở hữu: 01 giường hộp mới trị giá 1.500.000đ; 01 bếp xây gạch chỉ, mái lợp proximãng, nền lán xi măng, diện tích $27m^2$, trị giá 13.500.000đồng; 01 nhà tắm xây gạch chỉ, mái đổ bê tông diện tích $4,42m^2$ trị giá 4.862.000đồng và sử dụng $450m^2$ đất ($100m^2$ đất ở, $350m^2$ đất vườn) trị giá 51.250.000đ (Theo hình BCIH trong sơ đồ dự chia). Tổng trị giá 71.112.000đ.

- Bà Hoàng Thị Lệ X có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho ông Phạm Tiến C 18.970.500đ (Mười tám triệu chín trăm bảy mươi nghìn năm trăm đồng); chị Phạm Thị P 16.170.500đ (mười sáu triệu một trăm bảy mươi nghìn năm trăm đồng); anh Phạm Thế P 1.508.500đ (Một triệu năm trăm linh tám nghìn năm trăm đồng).

3. *Về án phí:* Bà Hoàng Thị Lệ X phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 6.361.000đ án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung. Tổng cộng là 6.661.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, bà X còn phải nộp 6.361.000đồng. Ông Phạm Tiến C phải nộp 4.787.000đồng, chị Phạm Thị P, anh Phạm Thế P mỗi người phải chịu 3.631.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa bà Hoàng Thị Lệ X và ông Phạm Tiến C bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên, đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng năm 2009. Nguyên nhân do ông Phạm Tiến C thường xuyên uống rượu say và đánh chửi mẹ con bà X. Mặc dù được các đoàn thể, chính quyền địa phương nhiều lần khuyên giải, giải quyết nhưng ông C không thay đổi. Từ ngày 01/4/2017 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng trong thực tế không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà X yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận. Ông C không đồng ý ly hôn, nhưng trong thời gian vợ chồng ly thân, ông C không có biện pháp nào nhằm khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ, nên đề nghị của ông C không có căn cứ chấp nhận.

2. *Về con chung*: Các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản*:

- Thỏa thuận của các đương sự về phân chia tài sản chung là động sản và thỏa thuận giữa bà X, ông C về phân chia quyền sử dụng đất nông nghiệp như đã nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, cần chấp nhận.

- Đối với tài sản là quyền sử dụng đất ở, đất vườn: Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ cho thấy nguồn gốc đất do ông C, bà X khai hoang, nhưng việc quản lý, bảo vệ, làm tăng giá trị sử dụng đất là do bà X và 02 con chung là chị P, anh P. Tại phiên tòa, ông C cũng thừa nhận trong khoảng 09 đến 10 năm trở lại đây, do ốm yếu, nên ông C không làm gì cả. Mặt khác, Giấy CNQSD đất được cấp cho hộ gia đình, mà ở thời điểm cấp Giấy CNQSD đất (19/12/2000), thì hộ gia đình ông Phạm Tiến C có vợ chồng ông C, bà X và 02 con chung là chị P, anh P. Nên, quyền sử dụng 1.800m² đất ở, đất vườn nêu trên thuộc quyền sử dụng chung của ông C, bà X, chị P, anh P. Các đương sự đều có nhu cầu sử dụng đất và đất có thể chia được, nên cần chia đất ở, đất vườn thành 04 phần như sơ đồ dự chia ngày 11/5/2017 là phù hợp. Đồng thời, để tạo điều kiện thuận lợi cho bà Hoàng Thị Lệ X trong việc tạo dựng cuộc sống mới và ưu tiên bảo vệ quyền, lợi ích của người phụ nữ, cần giao cho bà X sử dụng phần đất có nhà ở. Ông Phạm Tiến C không đồng ý chia đất ở, đất vườn là không có căn cứ chấp nhận.

- Tổng trị giá khối tài sản chung của hộ gia đình ông C, bà X có yêu cầu Tòa án giải quyết là 330.482.000đ (chưa tính trị giá đất nông nghiệp). Chia đều cho 04 người thì mỗi người được hưởng phần tài sản có giá trị là 82.620.500đ. Người nào được chia phần có giá trị lớn hơn phải thanh toán chênh lệch tài sản cho người được chia phần tài sản có giá trị nhỏ hơn.

- Nghĩa vụ chung về tài sản: Trong quá trình giải quyết, ông C khai do cần tiền chi phí phát triển kinh tế gia đình, trong khi vợ chồng thế chấp đất ở, đất vườn để

vay vốn ngân hàng không được, vì Giấy CNQSD đất ghi sai tên đệm của ông C, nên ông C đồng ý cho bà X đến vay tiền của ông H, bà T và ông C1, bà L. Lời trình bày trên phù hợp với lời khai của bà X và họ, tên của ông C ghi trên Giấy CNQSD đất. Đồng thời, bà Th và anh C1 đều trình bày là ông C nhiều lần hỏi họ xem bà X đã trả nợ tiền vay chưa. Do vậy, có đủ cơ sở xác định các khoản vay của bà T, ông H và ông C1, bà L là nợ chung của gia đình ông C, bà X. Tại phiên tòa, ông C không thừa nhận có nợ chung, là không có căn cứ chấp nhận. Do bà X là người trực tiếp vay nợ và để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thanh toán nợ, cần giao cho bà X có nghĩa vụ trả hai khoản nợ này. Ông C, chị P, anh P có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch nghĩa vụ trả nợ cho bà X.

4. *Về án phí:* Bà Hoàng Thị Lệ X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí dân sự chia tài sản chung. Ông C, chị P, anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56 và các Điều 33; Khoản 2 Điều 37; các Điều 59; 60; 61; 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2, 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản Điều của Bộ luật dân sự; Điểm a, b, e khoản 5 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Hoàng Thị Lệ X được ly hôn ông Phạm Tiến C.

2. *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản:*

- Giao cho bà Hoàng Thị Lệ X sở hữu, sử dụng các tài sản gồm: 01 tivi màu trị giá 300.000đ; 01 giường hộp cũ trị giá 500.000đ; 01 téc đựng nước 1000L trị giá 2.000.000đ; 01 máy bơm nước trị giá 400.000đ; 01 bộ salon nan trị giá 3.000.000đ; 01 nhà xây cấp 4, móng và tường xây gạch chỉ, mái lợp tôn, nền láng xi măng, diện tích 91,02m², trị giá 91.020.000đ; sân bê tông phía trước nhà (2,63m³ bê tông) trị giá 800.000đ; 450m² đất (100m² đất ở, 350m² đất vườn) theo hình CDGH trong sơ đồ dự chia kèm theo, trị giá 51.250.000đ. Tổng trị giá 149.270.000đ và các thửa đất nông nghiệp gồm: thửa số 41, tờ bản đồ số 03, diện tích 434m² tại sù đồng T- khu T - xã S - huyện C- tỉnh P; thửa số 284, tờ bản đồ số 07, diện tích 395m² tại sù G - khu T - xã S - huyện C - tỉnh Phú Thọ; thửa số 208, tờ bản đồ số 02, diện tích 70m² tại sù R - khu C - xã S - huyện C - tỉnh Phú Thọ; thửa số 168, tờ bản đồ số 11, diện tích 209m² tại sù đồng K - khu Ch - xã S - huyện C - tỉnh Phú Thọ; thửa số 423⁻⁸, tờ bản đồ số 09, diện tích 151m² tại sù đồng V - khu C - xã S - huyện C - tỉnh Phú

Thọ; thửa số 214⁴, tờ bản đồ số 09, diện tích 53m² tại sù đồng A - khu C - xã S - huyện C - tỉnh Phú Thọ. Tổng trị giá đất nông nghiệp bà X được hưởng 44.608.000đồng.

Bà Hoàng Thị Lệ X có nghĩa vụ trả nợ cho: Bà Hoàng Thị Kim T - sinh năm 1969, ông Hoàng Văn H - sinh năm 1968; cư trú tại: Khu 04 - xã S - huyện C - tỉnh Phú Thọ 20.000.000đồng và tiền lãi theo thỏa thuận, ông Ngô Việt C1 - sinh năm 1970, bà Hoàng Thị Hải L - sinh năm 1975; cư trú tại: Khu 04 - xã S - huyện C - tỉnh Phú Thọ 20.000.000đồng và tiền lãi theo thỏa thuận. Ông Phạm Tiến C, chị Phạm Thị P, anh Phạm Thế P, mỗi người có trách nhiệm thanh toán chênh lệch nghĩa vụ trả nợ cho bà X 10.000.000đ.

- Ông Phạm Tiến C được sở hữu các tài sản gồm: 01 giường hộp cũ trị giá 500.000đ; 01 tủ lạnh nhãn hiệu Panasonic 160L, trị giá 1.100.000đồng; sân bê tông phía cổng + cổng bê tông (2,51m³ bê tông) trị giá 800.000đ và được sử dụng 450m² đất (100m² đất ở, 350m² đất vườn) trị giá 51.250.000đ (Theo hình DEFG trong sơ đồ dự chia). Tổng trị giá 53.650.000đ và thửa đất nông nghiệp số 188, tờ bản đồ số 02, diện tích 680m² tại sù đồng C - khu C - xã S - huyện C - tỉnh Phú Thọ (Đã cải tạo thành ao thả cá) trị giá 23.120.000đồng.

- Chị Phạm Thị P được sở hữu: 01 giường hộp cũ trị giá 500.000đ; Hệ thống chuồng chăn nuôi sườn gỗ, mái lợp lá, tường ngăn xây gạch đất sét, nền lát gạch và lán vữa xi măng, diện tích 21,58m², trị giá 4.700.000đồng và được sử dụng 450m² đất (100m² đất ở, 350m² đất vườn) trị giá 51.250.000đ (Theo hình ABIK trong sơ đồ dự chia). Tổng trị giá 56.450.000đ.

- Anh Phạm Thế P được sở hữu: 01 giường hộp mới trị giá 1.500.000đ; 01 bếp xây gạch chỉ, mái lợp proximăng, nền lán xi măng, diện tích 27m², trị giá 13.500.000đồng; 01 nhà tắm xây gạch chỉ, mái đổ bê tông diện tích 4,42m² trị giá 4.862.000đồng và sử dụng 450m² đất (100m² đất ở, 350m² đất vườn) trị giá 51.250.000đ (Theo hình BCIH trong sơ đồ dự chia). Tổng trị giá 71.112.000đ.

- Bà Hoàng Thị Lệ X có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho ông Phạm Tiến C 18.970.500đ (Mười tám triệu chín trăm bảy mươi nghìn năm trăm đồng); chị Phạm Thị P 16.170.500đ (mười sáu triệu một trăm bảy mươi nghìn năm trăm đồng); anh Phạm Thế P 1.508.500đ (Một triệu năm trăm linh tám nghìn năm trăm đồng).

3. *Về án phí:* Bà Hoàng Thị Lệ X phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 6.361.000đ án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung. Tổng cộng là 6.661.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0003945 ngày 19/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, bà X còn phải nộp 6.361.000đ (sáu triệu ba trăm sáu mươi một nghìn đồng). Ông Phạm Tiến C phải nộp 4.787.000đồng (Bốn triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng), chị Phạm Thị P,

anh Phạm Thế P mỗi người phải chịu 3.631.000đ (Ba triệu sáu trăm ba mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2b);
- VKSND huyện C;
- UBND xã S;
- Thi hành án dân sự huyện C;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Văn Thắng